



**C/TYT V NB O  
T N THIÊN NHIÊN  
FRR (EAST ASIA)  
LIMITED**



**CHI C C KI M LÂM HU  
FOREST PROTECTION  
DEPARTMENT  
HUE PROVINCE**



**D ÁN HÀNH LANG XANH  
GREEN CORRIDOR PROJECT**

**D án Hành Lang Xanh – WWF  
Chi c c ki m lâm t nh Th a Thiên Hu**

**BÁO CÁO XÂY D NG GIÁO TRÌNH  
VÀ T P HU N CHO KI M LÂM**

**ác th c hi n b i:  
Robert Primmer & Lã Quang Trung  
FRR Limited (East Asia)**

**Ngày 24 tháng 9 n m 2006**

## B NGN IDUNG

<b>B NGN IDUNG</b> .....	<b>2</b>
<b>L IC M N</b> .....	<b>3</b>
<b>CÁC CH VI TT T</b> .....	<b>4</b>
<b>PH NG PHÁP</b> .....	<b>6</b>
1. XÂY D NG GIÁO TRÌNH .....	7
2. ÀO T O .....	8
a) ào t o giáo viên .....	10
b) ào t o kì m lâm .....	11
c) ào t o qu n lý .....	13
<b>K T QU</b> .....	<b>14</b>
1. XÂY D NG GIÁO TRÌNH .....	14
2. ÀO T O GIÁO VIÊN .....	15
i) ào t o v tu n tra .....	15
ii) Ch huy và kì m soát .....	17
2. ÀO T O NHÂN VIÊN KI M L M VÀ TR M TR NG V TU N TRA, CH HUY VÀ KI M SOÁT .....	18
i) ào t o v tu n tra .....	18
ii) Ch huy và kì m soát .....	19
<b>XU T</b> .....	<b>19</b>
<b>PH L C</b> .....	<b>21</b>
<i>Ph l c 1</i> .....	21
<i>Ph l c 2</i> .....	35
<i>Ph l c 3</i> .....	38
<i>Ph l c 4</i> .....	43
<i>Ph l c 5</i> .....	45
<i>Ph l c 6</i> .....	47
<i>Ph l c 7</i> .....	48
<i>Ph l c 8</i> .....	49
<i>Ph l c 9</i> .....	51
<i>Ph l c 10</i> .....	54

## L I C M N

Thay m t cho nhóm t p hu n, gi ng viên chính xin chân thành c m n các cá nhân và c quan sau:

Cán b d án Hành lang xanh - WWF

Ông Hoàng H u Khanh (Chi c c tr ng Chi c c ki m lâm Hu )

Các H t tr ng các H t ki m lâm Hu

Ông Hu nh V n Kéo - Giám c VQG B ch Mã

Nhân viên Ban du l ch VQG B ch Mã

Các h c viên tham d khóa t p hu n ki m lâm t nh Th a Thiên Hu

Ông Chris Dickinson (C v n tr ng d án Hành lang xanh - WWF)

Ông V n Ng c Th nh ( i u ph i viên d án Hành lang xanh - WWF)

## CÁC CH VI T T T

FPD	C c ki m l m
WWF	Qu qu c t b o t n thiên nhiên
ASEAN	Hi p h i các n c ông Nam Á
KBV	Khu b o v
GPS	H th ng nh v toàn c u
P.T.	Rèn luy n th l c
ARCBC	Trung tâm b o t n a d ng sinh h c vùng .N.Á

## Giới thiệu

Đ án Hành lang Xanh đã cho thấy rằng có ý nghĩa bảo tồn toàn cầu thông qua một đánh giá có hệ thống về các ưu tiên bảo tồn khu vực Đông Dương. Kết quả đánh giá đã khẳng định rằng ý nghĩa toàn cầu của Vùng sinh thái Đông Dương và xác định vùng Trung Đông Dương là khu vực có ý nghĩa đa dạng sinh học cao về giá trị bảo tồn chung của Vùng sinh thái Đông Dương (**Baltzer và đồng nghiệp, 2001**).

Chính phủ Việt Nam đã nhận ra tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và các bất ổn môi trường sinh thái để thúc đẩy một nền kinh tế các quan có liên quan quản lý nguồn tài nguyên này.

Kho chương trình quốc gia về tăng cường kiểm soát buôn bán động vật hoang dã năm 2010 (**Chính phủ Việt Nam, 2004**) đã nhận ra nhu cầu xây dựng nền tảng cho lực lượng kiểm lâm trên toàn quốc nhằm nâng cao thực thi pháp luật và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và thực thi hiệu quả **Chương 12, Quy định 08, v.v, và các cam kết của Việt Nam với Công ước CITES, Công ước Bảo tồn Đa dạng sinh học v.v.**

Trên cơ sở các nhu cầu thực tế, trong suốt hai năm qua, Cục kiểm lâm đã và đang xây dựng một giáo trình hợp lý để quy tụ nhân lực này. Tuy nhiên, có những thiếu hụt trong hệ thống hiện tại đó là trên thực tế không có môn học nào về xây dựng đội ngũ quy tụ các nhân viên kiểm lâm thông tin, lập kế hoạch và giám sát. Đây là những kiến thức cần thiết cho kiểm lâm thực hiện công việc của họ. Dựa vào yêu cầu này, Cục kiểm lâm đã khởi xướng một quá trình về nguồn ngân sách của quy định bắt buộc xác định các môn học có liên quan và phương pháp đào tạo nhằm quy tụ những thiếu hụt của các môn học liên quan thông tin trong Giáo trình Quốc gia. Thực tế các môn học được xác định thông qua quá trình tham gia của các bên và sau đó chúng tôi đã tiến hành một số việc như sau: Xây dựng nền tảng của giám sát và kiểm tra bằng việc kiểm tra nền tảng cho thông tin của kiểm lâm, sau đó chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển thành giáo trình chuẩn cho lực lượng kiểm lâm.

Chi c c ki m lâm Hu c s h tr c a d án Hành lang xanh ã i t t n quá trình này b ng vi c thí i m các quá trình ã c c p trên. D i ây là toàn b quá trình:

1. Xác nh các k n ng c n thi t cho ki m lâm viên và các tr m tr ng.
2. Xác nh các thành ph n ào t o liên quan n các k n ng này
3. L p u tiên cho các thành ph n o t o
4. Xác nh các môn h c liên quan n các thành ph n ào t o c cho là kh n c p nh t ( ó là vi c thu th p s li u c b n v th c thi pháp lu t và ph n ng khi có s li u này t các cu c tu n tra)
5. ào t o giáo viên v các k thu t tu n tra và thu th p thông tin.
6. Giám sát vi c gi ng d y ki m lâm c a các giáo viên ã c ào t o nh m m b o c n ngl c ào t o t i c s .
7. ào t o giáo viên v qu n lý các ho t ng th c t i n.
8. Giám sát vi c gi ng d y các h t tr ng c a các giáo viên ã c ào t o nh m m b o c n ngl c ào t o t i c s .

H ã t i n xa h n trong vi c xây d ng các ph ng pháp t m c qu c gia b ng cách m b o nâng cao n ngl c t i c s ph c v cho ào t o lâu dài ó là quá trình ào t o giáo viên trong giai o n thí i m t p hu n c a h . Các h p ph n thành công c a quá trình này s c s d ng trong quá trình xây d ng giáo trình c p qu c gia.

## **PH NG PHÁP**

C c ki m lâm Vi t Nam có m t i ng nhân viên dày d n kinh nghi m. Vì lý do này, chúng tôi s d ng kinh nghi m c a h xây d ng giáo trình có liên quan, i u r t c n thi t cho các nhân viên ki m lâm th c hi n có hi u qu các m c tiêu qu n lý. M t khi giáo trình ã c xây d ng, các môn h c trong giáo trình s c truy n t cho sáu giáo viên ki m lâm trên th c a. Khóa h c b t u v i ph n lý thuy t và t i p theo ó là ph n th c hành. Các giáo viên này sau ó d y l i cho 36 h c viên khác (bao g m m t nhóm 10 tr m tr ng và hai nhóm khác g m 26 ki m lâm viên d i s ch huy c a h ) thông qua vi c giám sát ch t ch c a m t gi ng viên ào t o qu c t và tr lý c a ông ta. i u này m b o r ng: a) Các giáo viên thành th o trong vi c trình bày các ki n th c

c) nội dung sơ đồ pháp chế thi tuyển khóa học có hiệu quả, và b) 10 triệu đồng chi trả các khoản ngân sách dự cho nhân viên cấp học là sơ đồ trong xây dựng các mục tiêu và kế hoạch làm việc cho kỳ năm tiếp theo để bố trí sao cho các trường có nhân viên có trình độ hiện công việc, có thể triển khai nhanh chóng công việc thu thập các thông tin có liên quan.

Hợp phần này thể hiện bảng mô tả chi tiết quy trình (c) sơ đồ pháp chế pháp chế trên) trình bày các kết quả quy trình sơ đồ nội dung triển khai công việc năm sao cho có hiệu quả nhất để bố trí các thi pháp luật và các văn bản pháp luật bổ sung để nâng cao. Hiện tại đã xây dựng mô hình tình huống thực và tình huống này có thể sơ đồ hoặc thay đổi trong quá trình sơ đồ và sau này khi triển khai công việc năm.

## **1. Xây dựng giáo trình**

Quá trình xây dựng giáo trình thể hiện như sau:

- a) Tất cả các Hội trường và các trường phòng để mời tham dự hiện tại để bố trí ngân sách tổng hợp chung các tài chính để mời các chuyên gia xác định chính xác các khoản ngân sách thi tuyển cho kỳ năm tiếp theo hiện công việc cấp học có hiệu quả.
- b) Các Hội trường và các trường phòng sau đó sẽ nghe trình bày về “Các tiêu chuẩn nghề nghiệp cho nhân viên các khu vực Đông Nam Á”. Tài liệu này sẽ xây dựng trong sơ đồ kế hoạch và tất cả các nước ASEAN. Hiện tại sẽ ghi thích chi tiết về tài liệu này và phương pháp sơ đồ tài liệu xác định các khoản ngân sách cho nhân viên cấp học.
- c) Sơ đồ các hình ảnh dựa trên tài liệu trên, các biểu đồ tham dự sau đó sẽ ra tất cả các khoản ngân sách là chi phí thi tuyển cho việc triển khai hiệu quả công việc năm. Tiếp theo là bổ sung các khoản ngân sách theo hình thức không có trong tài liệu hướng dẫn.

- d) Tiếp ó, các i bi u tham d trình bày m t danh sách các môn h c chung mang tính qu c t mà các l c l ng ki m lâm ho t ng có hi u qu s d ng.
- e) Các k n ng ti p t c c k t h p v i các môn h c hình thành lên m t giáo trình t ng h p cho ki m lâm và các nhà qu n lý th c hi n hi u qu các ho t ng th c ti n t i c s (Ph l c 1)
- f) Sau khi i u này ã c hoàn thi n, c nhóm xác nh khung th i gian ti n hành khóa ào t o thí i m u tiên và cùng v i các nhà t v n trong n c a ra quy t nh v u tiên t p hu n làm sao có th hoàn thi n c ch ng trình m t cách h p lý trong th i gian 10 ngày. u tiên ào t o c xác nh là tu n tra r ng và thu th p thông tin.
- g) D a vào quy t nh này, t v n qu c t ã xây d ng và th c hi n khóa t p hu n áp ng c các tiêu chu n cho các k n ng ã ch n. (Ph l c 2)
- h) Sau khi ã ng ý t v n qu c t xây d ng m t ch ng trình t p hu n và g i cho các i bi u tham d . L ch t p hu n bao g m 6 ngày ào t o lý thuy t và 4 ngày ào t o trên th c a. (Ph l c 3)
- i) T t c các y u t trên v c b n ã hình thành lên m t khóa ào t o tu n tra thí i m cho ki m lâm.
- j) Quá trình này bây gi ã c hoàn thi n, ch còn xây d ng m t giáo trình m b o sao cho các tr m tr ng có kh n ng tri n khai ki m lâm c a h có hi u qu nâng cao ki n th c v khu v c c a h và b t u gi i quy t v n phi pháp.
- k) M t l n n a, t v n qu c t xây d ng và th c hi n m t khóa t p hu n phù h p nh t v i các tiêu chu n do các i bi u tham d a ra.
- l) Khóa h c sau ó c các i bi u tham d h i th o xem xét k l ng và ng ý. (Ph l c 4)
- m) T v n qu c t ti p t c c m i l p m t ch ng trình t p hu n theo th a thu n v ch huy và ki m soát. (Ph l c 5)

## 2. ào t o

Nhóm ào t o g m b n ng i nh sau:

- M t t v n ào t o qu c t có b n n m kinh nghi m làm vi c Vi t nam (t ng có kinh nghi m chuyên sâu v i ki m lâm Nam Phi tr c ây t t c các l nh v c có liên quan trên toàn qu c gia Nam Phi) m b o cung c p các k thu t cho các môn h c ã c trình bày.
- M t tr lý ào t o qu c gia có b n n m kinh nghi m làm vi c cùng chuyên môn v i t v n qu c t m b o đ ch chính xác các tài li u môn h c.
- M t i úy quân i gi i thi u các ph ng pháp k lu t áp d ng cho c ph n ào t o trên l p và các ho t ng th c a.
- M võ s có t m c qu c gia gi i thi u các k n ng t v cho ki m lâm m b o h có c s t tin trong các ho t ng th c thi pháp lu t và m b o sao cho h có th b t u ti p thu c các k n ng c n thi t t v trong tr ng h p b t n công trên th c a.

Lý thuy t các môn h c c gi ng d y trong sáu ngày cho các giáo viên. M i ngày b t u lúc 5 gi sáng b ng t p th l c và các ng tác võ thu t, ph n quân s c b trí xen k trong các gi h c lý thuy t trên l p vào bu i sáng. K t thúc ngày h c lúc 5 gi chi u v i ph n t p võ thu t. T t c các môn h c có trong ph n ào t o lý thuy t này c trình bày Ph l c 2.

Quá trình t p hu n c gi i thi u theo thang b c. u tiên ki m lâm c d y các k n ng liên quan n tu n tra th c s và i u này d n d n s giúp ích cho quá trình l p k ho ch tu n tra, m t quá trình r t c n các ki n th c v tu n tra.

K ho ch sau khi c xây d ng trong ph n ào t o lý thuy t s c d d ng th c hi n m t t tu n tra th c s b n ngày. T t c các ki n th c lý thuy t s c ki m lâm áp d ng và ánh giá trên th c t .

Quá trình này c l p l i trong khóa t p hu n cho 36 ki m lâm (trong ó có 10 tr m tr ng). S khác nhau chính ây là khóa t p hu n c các giáo viên c a t nh th c hi n v i s giám sát ch t ch c a nhóm t v n ào t o. 36

ki m lâm c chia làm ba nhóm, trong ó t t c các tr m tr ng c ào t o trong cùng m t nhóm, hai nhóm còn l i là các ki m lâm viên. T t c các ki m lâm viên này u thu c quy n qu n lý c a các tr m tr ng trong khóa t p hu n. Sau khi k t thúc khóa t p hu n, các giáo viên ào t o ki m lâm c a t nh ánh giá t ng h c viên c a h .

C ng trong khóa t p hu n này, các ki m lâm c cung c p trang thi t b h có th b t u các cu c tu n tra có hi u qu ngày sau khi k t thúc khóa t p hu n m b o ki n th c h ti p thu c trong khóa t p hu n c th m nhu n (danh sách trang thi t b trong Ph l c 6)

H i th o/khóa t p hu n v qu n lý c th c hi n v i các giáo viên t nh trong n m ngày sau khi hoàn thành khóa ào t o tu n tra. H i th o v i s gi i thích v các khái ni m d n d n c phát tri n thành m t quá trình l p k ho ch th c s . Ki m lâm l p ra các m c tiêu th c t liên quan n t nh nhà và t i n hành toàn b ph n l p k ho ch c ng nh các b c th c hi n.

Quá trình này c l p l i v i 10 tr m tr ng (nh ng quá trình gi i thi u ph c t p h n do t v n qu c t th c hi n v i s h tr c a các giáo viên t nh trong ph n th c hành) m b o r ng các tr m tr ng có kh n ng l p k ho ch th c hành, th c hi n và giám sát k ho ch ó. Không th ánh giá c các h c viên trong h i th o ào t o này vì t t c công vi c c giám sát và ch nh s a theo t i n trình c a h i th o.

#### **a) ào t o giáo viên**

- i) Quan i m chính là m b o tính b n v ng c a ào t o. làm c vi c này, các bên ã quy t nh ào t o sáu ki m lâm c l a ch n làm giáo viên trong t ng lai cho t nh. Sáu ki m lâm c l a ch n ã tham gia khóa ào t o u tiên, sau ó h c h ng d n thông qua quá trình t trình bày các khóa t p hu n khác, nh ng gì thi u sót s c gi i quy t ti p trên công vi c.

- Các giáo viên sẽ kiểm tra liên tục trong suốt quá trình và đưa vào các lần kiểm tra này, chương nào không tốt sẽ lập lại nhằm đảm bảo cho kiến thức của học viên các môn học cần thiết như mong muốn gì đó.
- Cùng, các giáo viên sẽ dạy cách xây dựng kết luận trong báo cáo môn học kết luận này sẽ truyền cho kiến viên, những người có tính kết luận cao thể hiện công việc tự nhiên có hiệu quả.
- Phương pháp này sẽ lập lại trong khóa đào tạo quản lý (xem báo cáo quản lý)
- Trong suốt quá trình diễn ra khóa tập huấn, kiến viên sẽ đánh giá (Phần 1 c 7)
- Kiến viên sẽ tham gia vào đánh giá khóa tập huấn và tự đánh giá hiệu quả của các kiến thức (Phần 1 c 8).

## **b) Báo cáo kiến viên**

i) Khóa tập huấn tự nhiên trước tiên sẽ thể hiện cho các học viên là các giáo viên trong tương lai đảm bảo trở thành những nội dung các môn học và phương pháp thể hiện gì đó các khóa học.

ii) Khóa học sẽ thể hiện theo các bước sau:

- Kiến viên sẽ ghi thi vào bản, các thí nghiệm và số liệu bàn đảm bảo sao cho họ có thể tự nhiên trên các tuyến đã lập kế hoạch ngoài vùng ranh giới bình thường của họ, tức là nắm bắt theo các công nghệ hiện tại hay số liệu này bao gồm ghi thi các kiến thức tự nhiên kiến viên hiểu các kiến thức

tuyển s d ng ph thu c vào a hình tu n tra m b o có th tu n tra c nh ng a hình ph c t p.

- Sau ó h c h c các ki u tu n tra và s phù h p c a các ki u tu n tra liên quan n m c tiêu c a các ki u tu n tra khác nhau.
- Ti p theo là các k n ng th c t khi trong r ng ch ng h n: k n ng quan sát, k n ng xóa d u v t, di chuy n im l ng, v.v.
- Trong su t th i gian h c, môn võ thu t và quân s hàng ngày c ng c xen k vào.

Ph n này c a khóa t p hu n ch trình bày các k n ng ho t ng th c t ti n hành tu n tra có hi u qu .

- Ti p theo là l p k ho ch tu n tra chi ti t m b o cho ki m lâm bi t cách xây d ng các k ho ch t c m c tiêu. Quá trình này m b o r ng ng i qu n lý có th ki m tra li u nhân viên c a h có hi u rõ các h ng d n c a h hay không? và li u ng i ki m lâm có t c m c tiêu mà anh ta l p ra trong k ho ch xu t hay không?. Ngoài ra, nó còn cho phép nhà qu n lý ki m tra chéo công vi c c a ki m lâm v i k t qu trong báo cáo tu n tra.
- Ph n này h ng d n cách vi t báo cáo và thu th p thông tin.
- Các k ho ch tu n tra c xây d ng cho m t t tu n tra th c t và c s d ng trong ph n th c hành h ng d n ki m lâm các ho t ng trên th c a. H n n a, ào t o th c hành là m t c h i ánh giá ki n th c c a h c viên thông qua quan sát.
- Sau khi hoàn thi n ph n th c hành, t t c các tr m tr ng c giao cho m t m c tiêu. H c yêu c u l p m t k

hoạch toán tra cùng với kiểm soát nội bộ. Quá trình lập kế hoạch toán tra này được giám sát chặt chẽ bởi ban quản trị. Kế hoạch toán tra sau đó được phê duyệt và các trọng điểm cùng với kiểm soát nội bộ minh chứng bên kế hoạch toán tra trước khi khóa báo tài quản lý được thực hiện có kế hoạch sẵn sàng cho phần hướng dẫn cách phân tích số liệu và giám sát.

### c) Báo tài quản lý

- i) Kiểm soát nội bộ thực hiện các nhiệm vụ quản lý thích nghi, tiếp theo đó là quản lý các lập kế hoạch và cuối cùng là quản lý kế hoạch (theo kế hoạch ngắn hạn) – một phần của quản lý các lập kế hoạch.
- ii) Thông qua quá trình này kiểm soát nội bộ hướng dẫn cách làm thế nào các phòng pháp quản lý các lập kế hoạch thích nghi các vấn đề thông tin do kiểm soát nội bộ thu thập bằng việc triển khai có hiệu quả và phân tích thông tin để chú ý các tiêu đề nhà quản lý đưa ra.
- iii) Thực hiện các nhiệm vụ “Các thủ tục hoạt động tiêu chuẩn” nhằm bảo vệ và cải thiện các tình huống khẩn cấp một cách chặt chẽ và có hiệu quả.
- iv) Dựa vào nội dung này, kiểm soát nội bộ hướng dẫn các quá trình xây dựng kế hoạch làm việc dựa vào các mục tiêu cấp trung. Nội dung này cũng yêu cầu nhân viên có một quá trình lập ưu tiên các mục tiêu. Tiếp theo là xây dựng chuỗi lô gíc:
  - Xây dựng các nhiệm vụ để đạt mục tiêu
  - Xây dựng kế hoạch làm việc và phân bổ trách nhiệm cho từng kiểm soát nội bộ
  - Xây dựng các “Thủ tục hoạt động tiêu chuẩn” cho phần ngắn hạn
  - Xây dựng hệ thống giám sát

- v) T v n qu c t sau ó h ñg d n cách ánh giá xem li u công vi c do ñg i ki m lâm ã th c hi n có úng nh ch d n trong b n k ho ch tu n tra a ra trong khóa t p hu n (giám sát nhân viên) và li u thông tin thu c có ánh giá chính xác tình hu ñg trong m t khu v c.
- vi) Thông tin này sau ó c s d ñg ch ra cho ki m lâm bi t cách l p các m u phân tích và s d ñg thông tin trên b n phân tích tình hu ñg.
- vii) Ki m lâm ti p theo tham d vào l p m t ví d v ph ñg pháp dùng qu n lý t t h n các ho t ñg vi ph m. Các ho t ñg vi ph m này s c ch ra trong ph n phân tích tình hu ñg
- viii) Sau khi h i th o t p hu n k thúc, ki m lâm s ánh giá hi u bi t c a h v các khái ni m/ki n th c m i, ñg th i ánh giá khóa h c.

## **K T QU**

K t qu c a vi c hoàn thi n quá trình t xây d ñg giáo trình ñn th c hi n các khóa t p hu n thí i m ñình Th a Thiên Hu ã ch ñg minh c hi u qu c a vi c xây d ñg m t quá trình có th c s d ñg c p qu c gia. K t qu này có c là do s làm vi c tích c c, c n cù và b ñg ki n th c c a mình c a các cán b ki m lâm t nh Th a Thiên Hu ã tham gia vào trong quá trình. Tuy nhiên, có các v n nh c n c c i ti n ó là ho t ñg th c ti n c a ki m lâm. D i ãy là k t qu phân tích chi ti t v m i thành ph n:

### ***1. Xây d ñg giáo trình***

H i th o c t ch c trong th i gian ba ngày v i s tham d c a các tr ñg phòng t Chi c c ki m lâm và m t s H t tr ñg trong t nh Th a Thiên Hu . Kinh nghi m tích l y lâu n m c a h ch ñg t là có hi u qu r t cao. Cho dù ch a bao gi c nghe v các ki u qu n lý xu t (các c s ào t o ki m lâm và trong toàn qu c không có các khóa ào t o có l ñg k n ñg nhi u nh trong

tài liệu “Các tiêu chuẩn nghề nghiệp cho các nhân viên làm việc trong Khu vực” của ARCBC), nhằm các đại biểu tham dự đã hiểu rõ các kiến thức cần thiết cho nhân viên của họ thể hiện công việc có hiệu quả. Kết quả là quá trình xây dựng giáo trình chứng minh là khá ngắn gọn. Kết quả xây dựng giáo trình (Phần 1 của 1) được so sánh là tương đương với bất kỳ giáo trình quốc tế nào về **hoạt động thực tiễn** cho nhân viên thể hiện pháp luật về các KBV.

## 2. Đào tạo giáo viên

Nhằm đáp ứng trong phần phương pháp, các học viên tham dự vào lớp đào tạo giáo viên trực tiếp, sau đó họ sẽ tiến hành khóa tập huấn để giám sát chất lượng của nhóm thực hiện đào tạo.

### i) Đào tạo về tư vấn

Tuy nhiên thời gian hạn chế, các kiến thức và phương pháp giảng dạy còn nhiều hạn chế vì các giáo viên kỹ thuật nghiệp vụ kết quả đã cho thấy các giáo viên đã tiếp thu rất tốt. Tuy nhiên các học viên đều làm việc chủ yếu và có tính khoa học cao và chứng tỏ vai trò của mình là các giáo viên đào tạo không có quá nhiều vướng mắc. Vấn đề là họ có thể nắm bắt các vướng mắc hay không khi kinh nghiệm giảng dạy của họ nhiều hơn thể hiện các khóa tập huấn tiếp theo. Dưới đây là một số vướng mắc:

- Giáo viên kỹ thuật không thể nắm bắt kiến thức của học viên của mình vì các học viên chỉ có xu hướng chấp nhận tính kỹ thuật trong phương pháp đào tạo do ngành nghề ngoài quy định.
- Quan tâm về tư vấn rất nhiều nhưng thể hiện vì thế nói chuyên trong khi tư vấn thì ngược lại xảy ra mặc dù thực tế thực hành xuyên suốt.
- Quan tâm không liên tục ngay sau khi kết thúc trong thực hành. Nguyên nhân chính là không thể thể hiện các kiến thức. Thay vì phải chú ý trong môi trường ít thoải mái mà bỏ tính kỹ thuật,

ki m lâm l i l a ch n m t s tho i mái và k t qu là làm tác ng x u n môi tr ng. B t k n i nào n, h u ch t quang khu v c, k c cây nh , n i c m tr i m b o làm sao càng tho i mái cho h càng t t. M t l n n a, i u này ch có th s a ch a c t kinh nghi m tu n tra lâu dài.

- d) Các giáo viên ki m lâm có xu h ng quá khoan nh ng trong ánh giá h c viên c a h trong t t c các môn h c. i u này cho th y h thi u kinh nghi m c ng nh là trên th c t , h có v n khi tỉ p thu ki n th c c p trên. R t khó cho t v n qu c t ánh giá t ng h c viên ã c ào t o vì s l ng h c viên quá l n, nh ng d a vào ánh giá c a nhóm trong l p h c và trên th c a cho th y i m bình quân c a h ph i th p h n ít nh t là 30% so v i i m s th c t mà các giáo viên ki m lâm ã ch m.
- e) Chi ti t v ánh giá khóa t p hu n c ch ra Ph l c 7.

### **Nh n xét v t ng cá nhân:**

Anh Hùng – H c viên này th hi n r t xu t s c trong su t khóa t p hu n. Anh r t n ng ng, t tin và ki m soát c h c viên c a l p t t. Anh th c s quan tâm cao n khóa h c và là h c viên có mong mu n t c k t qu xu t s c so v i t t c các h c viên khác. Anh trình bày các môn h c trong l p th t xu t s c và ch c ch n tôi xu t r t cao v kh n ng làm giáo viên c a anh ta.

Anh Vinh – giai o n ào t o u tiên, nhóm FRR nghi ng v kh n ng c a anh ta, nh ng k t qu ã ch ng minh ó là do th l c c a anh ta ch không ph i là kh n ng gi ng d y. Anh nh chi ti t v khóa h c và gi ng d y c ng nh ki m soát h c viên c a anh ta r t xu t s c. Anh nh n c xu t cao làm giáo viên.

Anh Nam –. Anh trình bày khóa t p hu n t t. Tuy nhiên anh c n chú ý nâng cao m t s k n ng nh các th thu t gi bí m t m t cách chi ti t và ý th c b o v môi tr ng. Anh Nam c ng c xu t cao tr thành giáo viên.

Anh Tý – Giáo viên này r t n ng ng và ã ch ng t c kh n ng chín ch n cao trong ph n gi ng d y c a anh ta c ng nh ki m soát các h c viên trên th c a. K t qu c a ph n th c hành trên th c a t t và c ng c xu t cao làm giáo viên.

Anh Phúc – Trình bày trong ph n gi ng d y t t nh ng c n ph i nâng cao s ki m soát h c viên c a mình và tính n ng ng c a anh. Anh h i thi u tính t tin và ch c ch n r ng n u anh d y m t vài l n, tính t tin này s c nâng cao và anh s t c k t qu t t trong gi ng d y.

Anh Hoài – Giáo viên này m c dù r t n ng ng nh ng ã g p ph i v n trong c hai ph n gi ng d y lý thuy t và ki m soát h c viên. Anh ta có kh n ng gi ng d y khi làm vi c cùng nhóm nh ng s g p ph i v n n u t mình d y m t khóa h c. D i s trình bày c a anh, hi u bi t v môn h c c a h c viên không áp ng c tiêu chu n. Tuy nhiên n u t o i u ki n cho anh ta gi ng d y cùng v i các giáo viên gi i khác trong m t th i gian, ch c ch n anh ta có th t gi ng d y c. Anh ta ch c xu t làm giáo viên n u i u trên c th c hi n. ng l c c a anh ta c ng r t quan tr ng nh m t ng kh n ng c a anh là m t giáo viên sau m i l n gi ng d y m t khóa ào t o.

## ii) Ch huy và ki m soát

Khóa ch huy và ki m soát th c s là m t v n khác. Các giáo viên r t chú ý và n ng ng nh m n m b t các ki n th c sau:

- a) Xây d ng k ho ch làm vi c
- b) Xây d ng ngân sách ho t ng
- c) Phân tích tình hu ng
- d) Xây d ng các th t c ho t ng tiêu chu n

Nh ng khi trình bày trong các quan i m qu n lý ch ng h n nh : qu n lý thích nghi và qu n lý c l p k ho ch, yêu c u t ng h p qu n lý kh ng ho ng vào qu n lý c l p k ho ch, xây d ng các m c tiêu ph và nhi m v t c các m c tiêu do ng i qu n lý a ra và xây d ng các nhi m v gi i quy t v n tình c b t g p trong phân tích tình

hư ng, thì h l i quên và không b t k p. ây có th là do h thi u kinh nghi m trong qu n lý. Tuy nhiên các khái ni m này tr nên rõ ràng h n khi h làm vi c cùng v i các tr m tr ng, nh ng ng i n m b t c khái ni m này khá t t.

Các h c viên không c ánh giá theo t ng cá nhân trong h p ph n này vì h c n ph i c ào t o thêm nh m t c trình có th gi ng d y khóa h c v qu n lý cho các nhà qu n lý. Tuy nhiên, h có th giúp các nhà qu n lý trong quá trình l p k ho ch chi ti t h n các tr m ki m lâm m b o cho vi c ki m soát qu n lý toàn b nhân s tr m ó.

## ***2. ào t o nhân viên ki m l m và tr m tr ng v tu n tra, ch huy và ki m soát.***

### **i) ào t o v tu n tra**

M t l n n a, các tr m tr ng và nhân viên c a h ã ch ng t c là nh ng ng i có ng l c cao và r t ch u khó trong l p h c ng nh trên th c a. H u h t các khái ni m và các k n ng u nhanh chóng c n m b t. Các v n ình c b t g p c ng gi ng nh trong khóa ào t o giáo viên và không nghi ng gì n a, các l i/v n này ã c s a ch a khi h có nhi u kinh nghi m h n trong tu n tra v i các ph ng pháp mà h ã h c. K t qu c a khóa h c c các giáo viên ánh giá s ch ra trong Ph l c 8.

H c viên c yêu c u ánh giá v khóa h c và t ánh giá m c hi u bi t c a h v lý thuy t mà h c h c. Ph n ánh giá có trong Ph l c 9.

## ii) Ch huy và ki m soát

Tr m tr ng ti p thu các khái ni m v qu n lý c l p k ho ch, qu n lý thích nghi và m i liên h gi a qu n lý c l p k ho ch v i qu n lý kh ng hoang nhanh h n r t nhi u so v i các giáo viên ki m lâm. H hi u các khái ni m v xây d ng nhi m v và ý ngh a c a báo cáo và phân tích s li u. i u này có th là do h có kinh nghi m trong qu n lý và quá trình lô gic t m c tiêu và gi m các v n s d ng các chỉ n l c qu n lý c l p k ho ch. D a vào bài th c hành l p k ho ch trong h i th o, các tr m tr ng đ ng nh hi u t t các chỉ n l c l p k ho ch và ã th c hi n ph n th c hành t t. Khóa h c thiên nhi u v quá trình l p k ho ch có s tham gia h n là m t khóa t p hu n. Do tính ch t nh th , r t khó có th ánh giá t ng tr m tr ng. ánh giá này nên c th c hi n trong vòng ba tháng sau khi khóa t p hu n k t thúc có th ánh giá chính xác li u các tr m tr ng ã s d ng ph ng pháp và th o lu n v hi u bi t chính xác các khái ni m c a h .

## XU T

1. Nên t ch c m t h i th o v nh n th c qu n lý cùng v i các tr ng phòng và H t tr ng c a Chi c c ki m lâm Hu gi i thi u các khái ni m ã d y cho các tr m tr ng và ki m lâm viên và xây d ng các m c tiêu c b n cho t t c các Tr m ki m lâm d a vào thông tin này
2. D a vào nh ng thành công trong quá trình xây d ng giáo trình, xu t nên ti p t c s d ng các ki n th c c a các cán b ki m lâm c p cao trong t nh Th a Thiên Hu ti p t c quá trình xác nh các thành ph n cho t ng môn h c t ng t nh các thành ph n trong ph n xác nh các môn h c v tu n tra th c a cho ki m lâm viên và các tr m tr ng ã c xây d ng và c p trên. i u này nên ti p t c th c hi n trong giai o n ti p theo c a đ án Hành lang.

3. Các giáo viên kĩ mĩ lâm Hồ nên tiến hành các khóa tập huấn tu nghiệp cho tất cả các kĩ mĩ lâm còn lại trong tỉnh càng sớm càng tốt để mở rộng kiến thức của họ không bị tụt hậu và phương pháp đào tạo sâu vào trong kế hoạch lâu dài. Vì vậy, năm nay nên mở đợt kĩ nhân viên nào sẽ được tuyển dụng trong tỉnh lại sẽ phụ thuộc qua các khóa tập huấn tiếp theo.

4. Cần chú ý vào thực tế cho thấy, các khái niệm và quy định còn mơ hồ vì các giáo viên kĩ mĩ lâm, vì thế, cách tốt nhất là nên soạn quy định và quy tắc xây dựng các quá trình quản lý hai kĩ mĩ lâm làm mô hình cho toàn tỉnh các kĩ mĩ lâm trong tỉnh Thừa Thiên Huế. Các giáo viên kĩ mĩ lâm nên tham gia vào các quá trình này để nắm bắt thực tế và ý kiến của họ để bổ sung và chỉnh sửa để phát huy trong các khóa đào tạo trong tỉnh lại.

5. Nên tiếp tục nâng cao các khóa đào tạo trong tỉnh dựa vào các kết quả xây dựng giáo trình.

6. Nên xây dựng các quá trình rõ ràng hơn về sự phối hợp liên ngành xúc tiến nâng cao năng lực của các kĩ mĩ lâm trong các văn bản thi pháp luật có liên quan, chẳng hạn: thu thập thông tin, chẳng hạn như, các chương trình ra tòa và tất cả các quá trình pháp lý có liên quan liên quan đến việc này.

7. Nên xây dựng ngân sách hỗ trợ thi tốt nhất có thể dựa vào ngân sách có sẵn, lập các ưu tiên và các kế hoạch làm việc hàng năm một cách chi tiết cho các kĩ mĩ lâm.

## PH L C

### Ph l c 1

#### Môn h c 1: M c tiêu và giá tr b o t n thiên nhiên và h sinh thái t nhiên

5.5	Trình bày các v n k thu t
14.11	Cung c p các h ng d n/l i khuyên v chuyên môn cho c ng ng

#### Môn h c 2: Vai trò và m c tiêu c a ki m lâm

1.1	Th hi n quan i m, tiêu chu n c a cá nhân theo tính tích c c và t tin i v i công vi c
1.2	Duy trì m i quan h t t v i m i ng i và trong công vi c c a nhóm
1.3	Trao i thông tin v i ng nghi p m t cách n gi n và hi u qu
1.4	Làm vi c theo các h ng d n, quy nh và th t c
1.5	Tuân th an toàn, an ninh và v sinh môi tr ng t t n i làm vi c
1.6	Duy trì bí m t các thông tin nh y c m
1.7	Xác nh và báo cáo các ho t ng không trung th c
1.8	Th hi n c m nh n v v n hóa, dân t c và gi i
1.9	Qu n lý và gi m các c ng th ng
1.10	Cung c p các k thu t c ch p nh n cho s đ ng hô h p nhân t o và s c u
5.1	Trình bày mi ng m t cách có hi u qu
5.2	Chu n b các báo cáo v ho t ng công vi c
5.3	Trao i ho c giao ti p b ng ngôn ng khác
5.4	T ch c và ch trì các cu c h p chính th c
5.5	Trình bày các v n k thu t
5.7	Phân tích và trao i các v n ph c t p
5.8	i di n cho Khu b o v trong các s ki n tr c công chúng
5.9	Th ng l ng các th a thu n, gi i quy t các tranh ch p và mâu thu n
5.11	Th c hi n t v n cho qu n chúng và truy n thông các chính sách và k ho ch

6.2	Sử dụng và duy trì các chức năng cơ bản trong máy tính (ánh sáng màn hình, bàn phím, và thực hiện các thao tác cơ bản khác)
6.3	Sử dụng các trang thiết bị trực quan
6.4	Bảo dưỡng máy tính
6.6	Sử dụng các hệ thống thông tin địa lý (GIS) như các phần mềm bản đồ, số hóa bản đồ
7.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động
7.2	Quản lý nhân viên, hợp đồng viên, cộng tác viên khi thực hiện kế hoạch làm việc
7.3	Ghi nhận, giám sát kết quả
7.4	Xây dựng mối quan hệ hợp tác, kế hoạch và các chương trình với các cơ quan khác
8.1	Chấp hành tất cả quy định về môi trường trên thực địa
8.2	Xác định, ngăn ngừa và cung cấp chướng ngại vật các trường hợp khẩn cấp, bất ngờ hoặc nguy hiểm
8.3	Thực hiện công việc thực địa an toàn và hiệu quả
8.4	Bảo quản, kiểm tra và duy trì văn phòng thực địa & các trang thiết bị cơ bản
8.5	Tổ chức nội cơ bản
8.6	Sử dụng bản đồ, sơ đồ, bản đồ địa hình
8.7	Sử dụng và bảo quản các trang thiết bị thực địa cơ bản
8.8	Sử dụng máy như GPS, máy ảnh và địa hình
8.9	Thực hiện các thủ tục pháp lý thực địa
8.10	Đảm bảo an toàn qua các địa hình
8.11	Sử dụng và bảo quản bộ sưu tập thông tin trên thực địa
8.14	Lập kế hoạch, tổ chức hậu cần cho các chuyến đi thực địa, khảo sát và tư vấn
8.15	Tổ chức và chỉ đạo các hoạt động đi thực địa và cứu hộ trên thực địa
8.16	Sử dụng bộ sưu tập và trang thiết bị truyền thông
9.1	Nhận định tầm quan trọng sinh học và tiêu biểu, các khu sinh học, các loài nguy cấp
12.1	Nhận diện và xác định các dự án, bằng chứng của các hoạt động phi pháp/nghiêm cấm trên thực địa

12.2	Đưa ra các lợi ích nh báo, hướng dẫn tiến hành giám sát kết tình nghi trong tình trạng
12.5	Tham gia vào các hoạt động tu n tra an toàn, hi u qu và có kết quả
12.10	Báo cáo các hoạt động tu n tra và quan sát
12.11	Đo lường và sử dụng v khí an toàn và hợp lý
12.13	Quy nh an toàn v th c thi pháp luật
12.23	Liên lạc v i các c quan khác i u tra các hoạt động phi pháp nh h ng n khu b o v
13.1	Cung cấp các thông tin cần b n cho các bên tham gia cùng h ng l i và các du khách
13.2	Thông báo cho du khách, ng i dân địa ph ng và công chúng
13.3	Th c hi n các ch ng trình bi u di n, nâng cao nh n th c và giáo d c b ng hình th c chính th c và không chính th c
14.1	Liên lạc v i các nhóm c ng ng
14.2	S p x p các cu c h p, các s ki n và các bài trình bày địa ph ng
14.3	Cung cấp thông tin, h tr công tác b o t n đ a vào c ng ng và sử dụng b n v ng
14.4	Giám sát vi c th c hi n các cam kết t t i c s
14.6	Th a thu n b o t n đ a vào c ng ng và các cam kết qu n lý
14.8	Thúc y xây d ng các m ng l i và các t ch c c s
14.9	Đưa ra các l i khuyên v qu n lý và sử dụng b n v ng ngu n tài nguyên thiên nhiên đ a vào c ng ng
14.10	Làm vi c v i các nhà lãnh o v n hóa/tôn giáo thúc y công tác b o t n và sử dụng b n v ng
14.11	Cung cấp các h ng d n/l i khuyên v chuyên môn cho c ng ng
14.14	Gi i quy t các xung t liên quan n khu b o v , c ng ng dân c và các bên tham gia cùng h ng l i
15.1	Hi u và di n gi i các v n b n pháp luật
15.6	óng góp thông tin và xu t các k ho ch, chính sách và ánh giá
16.2	Sử dụng an toàn và b o qu n các trang thi t b
16.3	Duy trì khu v c g n gàng và sạch s
16.4	Ki m tra và báo cáo i u ki n c s h t ng c a khu

	v c
16.7	B o d ng và s a ch a các thi t b cung ng nh : i n, n c
16.8	B o d ng xe và các máy móc khác
16.9	Lái các ph ng ti n g n máy
16.11	Theo dõi công vi c c a h p ng viên và các nhân viên làm vi c ngoài tr i
16.13	Xác nh, ánh d u và ki m tra ranh gi i trên th c a
16.14	Xác nh và ánh giá các nguy c cháy r ng, l p k ho ch phòng ch ng cháy r ng

**Môn h c 3: Gi i thi u v môi tr ng Vi t Nam**

5.5	Trình bày các v n k thu t
9.1	Nh n d ng th m th c v t ph bi n và tiêu bi u, các ki u sinh c nh, các loài ng th c v t
9.5	Th c hi n các cu c i u tra, theo dõi ng v t, i u tra sinh c nh, ngu n tài nguyên và các c i m sinh thái khác
14.11	Cung c p các h ng d n/ i khuyên v chuyên môn cho c ng ng
16.14	Xác nh và ánh giá các nguy c cháy r ng, l p k ho ch phòng ch ng cháy r ng

**Môn h c 4: Gi i thi u v ng th c v t hoang dã Vi t Nam (phân lo i loài)**

5.5	Trình bày các v n k thu t
9.1	Nh n d ng th m th c v t ph bi n và tiêu bi u, các ki u sinh c nh, các loài ng th c v t
9.4	Nh n d ng d u và v t c a l s loài ng v t chính

9.5	Th c hi n các cu c i u tra, theo dõi ng v t, i u tra sinh c nh, ngu n tài nguyên và các c i m sinh thái khác
9.8	S d ng các tr giúp nh n di n các loài ng th c v t

**Môn h c 5: Khung pháp lý cho ho t ng b o t n r ng**

1.4	Làm vi c theo các h ng d n, quy nh và th t c
5.9	Th ng l ng các th a thu n, gi i quy t các tranh ch p và mâu thu n
12.1	Nh n di n và xác nh các d u v t, b ng ch ng c a các ho t ng phi pháp/nghiêm c m trên th c a
12.2	a ra các l i c nh báo, h ng d n ti n hành giám sát k tình nghi trong t ng lai
12.3	Cung c p các b ng ch ng tr c tòa
12.4	C x t t v i qu n chúng và hi u bi t y v các ho t ng th c thi pháp lu t
12.7	T m gi ng i vi ph m lâm lu t theo úng pháp lu t
12.12	Tham gia vào các ho t ng th c thi pháp lu t
12.13	Quy nh an toàn v th c thi pháp lu t
12.14	L p các k ho ch ho t ng th c thi pháp lu t
12.17	Tuân theo các th t c pháp lý gi i quy t các v vi ph m và các b ng ch ng t ch thu c
13.1	Cung c p các thông tin c b n cho các bên tham gia cùng h ng l i và các du khách
13.2	Thông báo cho du khách, ng i dân a ph ng và công chúng
13.4	Th c hi n các ch ng trình nâng cao nh n th c ã c l p s n cho c ng ng/cho ng i l n
14.3	Cung c p thông tin, h tr công tác b o t n d a vào c ng ng và s d ng b n v ng
14.6	Th a thu n b o t n d a vào c ng ng và các cam k t qu n lý
14.9	a ra các l i khuyên v qu n lý và s d ng b n v ng ngu n tài nguyên thiên nhiên d a vào c ng ng
14.11	Cung c p các h ng d n/l i khuyên v chuyên môn cho c ng ng
14.14	Gi i quy t các xung t liên quan n khu b o v , c ng ng dân c và các bên tham gia cùng h ng l i
15.1	Hi u và di n gi i các v n b n pháp lu t

**Môn h c 6: Th c thi pháp lu t ( i u tra, b o v hi n tr ng, qu n lý và thu th p ch ng c )**

5.5	Trình bày các v n k thu t
-----	---------------------------

5.9	Th  ng l  ng các th  a thu n, gi  i quy t các tranh ch  p và mâu thu n
12.1	Nh  n di n và xác  nh các d  u v t, b  ng ch  ng c  a các ho t  ng phi pháp/nghiêm c  m trên th  c  a
12.3	Cung c  p các b  ng ch  ng tr  c tòa
12.7	T  m gi  ng  i vi ph  m lâm lu t theo úng pháp lu t
12.8	Theo dõi bí m t, truy tìm k  ph m t i, th  c hi n  i u tra và thanh tra
12.9	B  o v , qu  n lý và x  lý hi n tr  ng
12.12	Tham gia vào các ho t  ng th  c thi pháp lu t
12.13	Quy  nh an toàn v  th  c thi pháp lu t
12.14	L  p các k  ho ch ho t  ng th  c thi pháp lu t
12.15	Ch  huy các ho t  ng tu n tra và th  c thi pháp lu t trên th  c  a
12.17	Tuân theo các th  t c pháp lý  gi  i quy t các v  vi ph  m và các b  ng ch  ng t ch thu  c
12.23	Liên l  c v  i các c  quan khác  i u tra các ho t  ng phi pháp nh h  ng  n khu b  o v
12.24	T  ch  c thu th  p các trang thi t b , tài li u phi pháp

**Môn h c 7: Thu th p thông tin tình báo và m ng l i tình báo**

5.7	Phân tích và trao  i các v  n  ph  c t p
12.8	Theo dõi bí m t, truy tìm k  ph m t i, th  c hi n  i u tra và thanh tra
12.12	Tham gia vào các ho t  ng th  c thi pháp lu t
12.16	Liên k  t v  i c  ng  ng dân c  ng n  ng  a các ho t  ng ph  m pháp
12.2	Xây d  ng và qu  n lý m  ng l  i cung c  p thông tin
12.24	T  ch  c thu th  p các trang thi t b , tài li u phi pháp
16.14	Xác  nh và  ánh giá các nguy c  cháy r  ng, l  p k  ho ch phòng ch  ng cháy r  ng

**Môn h c 8: Tu n tra r ng**

1.1	Th  hi n quan  i m, tiêu chu n c  a cá nhân theo tính tích c  c và t  tin  i v  i công vi c
7.1	Xây d  ng k  ho ch ho t  ng
8.1	Ch  p hành t  t các quy  nh v  môi tr  ng trên th  c  a
8.3	Th  c hi n công vi c th  c  a an toàn và hi  u qu
8.4	B  o qu  n, ki m tra và duy trì v  n phòng th  c  a & các trang thi t b  c m tr  i
8.5	T  ch  c n  i c m tr  i
8.9	V  s  phác h  a t  các s  li u th  c  a
8.1	l  i an toàn qua các  a hình

8.12	Chỉ thị các vùng miền núi
9.3	Trợ giúp trong kiểm tra thực kê, giám sát và các công việc khảo sát thực địa khác
9.5	Chỉ thị các cuộc kiểm tra, theo dõi động vật, kiểm tra sinh cảnh, nguồn tài nguyên và các chỉ số sinh thái khác
12.1	Nhận diện và xác định các động vật, thực vật của các hoạt động phi pháp/nghiêm cấm trên thực địa
12.5	Tham gia vào các hoạt động tuần tra an toàn, hiểu quy và có kế hoạch
12.8	Theo dõi bí mật, truy tìm kiếm chứng cứ, chỉ thị kiểm tra và thanh tra
12.12	Tham gia vào các hoạt động thực thi pháp luật
12.15	Chỉ huy các hoạt động tuần tra và thực thi pháp luật trên thực địa
12.2	Xây dựng và quản lý mạng lưới cung cấp thông tin
12.24	Thực hiện thu thập các chứng cứ, tài liệu phi pháp

**Môn học 9: Sản phẩm / Bàn/máy nhiv GPS**

5.5	Trình bày các vấn đề thu thập
6.3	Sản phẩm các chứng cứ trực quan
6.6	Sản phẩm các hệ thống thông tin địa lý (GIS) như các phần mềm bản đồ, số hóa bản đồ
8.6	Sản phẩm bàn, số, bản đồ ảnh hưởng
8.8	Sản phẩm máy nhiv GPS lý thuyết và ảnh hưởng
8.9	Viết pháp luật các sự kiện thực địa
16.2	Sản phẩm an toàn và báo cáo các chứng cứ

**Môn học 10: Nhận theo động vật/xác định động vật và nhận định**

8.1	Chỉ hành tất các quy định môi trường trên thực địa
8.3	Chỉ thị công việc thực địa an toàn và hiểu quy
8.10	Chỉ thị an toàn qua các địa hình
8.12	Chỉ thị các vùng miền núi
9.1	Nhận định thực vật phân bố và tiêu biểu, các khu sinh cảnh, các loài động thực vật
9.3	Trợ giúp trong kiểm tra thực kê, giám sát và các công việc khảo sát thực địa khác
9.4	Nhận định động vật và thực vật các loài động vật chính
12.1	Nhận diện và xác định các động vật, thực vật của các hoạt động phi pháp/nghiêm cấm trên thực địa
12.12	Tham gia vào các hoạt động thực thi pháp luật
12.24	Thực hiện thu thập các chứng cứ, tài liệu phi pháp

**Môn học 11: Vật lý**

5.5	Trình bày các vận tốc
12.11	Bộ quy tắc và sự đồng nhất của vật lý
16.2	Sự đồng nhất và bộ quy tắc các trạng thái

**Môn học 12: Toán**

8.2	Xác định, chứng minh và cung cấp các chứng minh các trường hợp mẫu, bất đẳng thức và bất đẳng thức
8.3	Thước kẻ công việc thực tế an toàn và hiệu quả
12.6	Giới thiệu về các tình huống thực tế và toán học

**Môn học 13: Thông tin liên lạc**

8.7	Sự đồng nhất và bộ quy tắc các trạng thái thực tế
8.11	Sự đồng nhất và bộ quy tắc các thông tin trên thực tế
8.16	Sự đồng nhất và các trạng thái truy cập thông tin

**Môn học 14: Sử dụng**

1.10	Cung cấp các kỹ thuật chấp nhận cho sự đồng nhất và sử dụng
5.5	Trình bày các vận tốc
8.2	Xác định, chứng minh và cung cấp các chứng minh các trường hợp mẫu, bất đẳng thức và bất đẳng thức

**Môn học 15: Giáo dục, nhân văn và truyền thông**

1.2	Duy trì mối quan hệ tốt với mọi người và trong công việc cá nhân
1.8	Thích nghi với môi trường văn hóa, dân tộc và giới
5.1	Trình bày những mặt cách có hiệu quả
5.3	Trao đổi học tập giữa các ngôn ngữ khác
5.9	Thống nhất các thuật ngữ, giới thiệu các tranh chấp và mâu thuẫn
5.11	Thích nghi với sự đồng nhất và truy cập thông tin chính sách và kế hoạch
12.2	Đưa ra các lý do báo cáo, hướng dẫn tiến hành giám sát kết quả trong tương lai

12.4	C x t t v i qu n chúng và hi u bi t y v các ho t ng th c thi pháp lu t
12.16	Liên k t v i c ng ng dân c ng n ng a các ho t ng ph m pháp
12.20	Xây d ng và qu n lý m ng l i cung c p thông tin
13.1	Cung c p các thông tin c b n cho các bên tham gia cùng h ng l i và các du khách
13.2	Thông báo cho du khách, ng i dân a ph ng và công chúng
13.3	Th c hi n các ch ng trình bi u di n, nâng cao nh n th c và giáo d c b ng hình th c chính th c và không chính th c
13.4	Th c hi n các ch ng trình nâng cao nh n th c ã c l p s n cho c ng ng/cho ng i l n
14.1	Liên l c v i các nhóm c ng ng
14.2	S p x p các cu c h p, các s ki n và các bài trình bày a ph ng
14.3	Cung c p thông tin, h tr công tác b o t n d a vào c ng ng và s d ng b n v ng
14.6	Th a thu n b o t n d a vào c ng ng và các cam k t qu n lý
14.8	Thúc y xây d ng các m ng l i và các t ch c c s
14.9	a ra các l i khuyên v qu n lý và s d ng b n v ng ngu n tài nguyên thiên nhiên d a vào c ng ng
14.10	Làm vi c v i các nhà lãnh o v n hóa/tôn giáo thúc y công tác b o t n và s d ng b n v ng
14.11	Cung c p các h ng d n/l i khuyên v chuyên môn cho c ng ng
14.14	Gi i quy t các xung t liên quan n khu b o v , c ng ng dân c và các bên tham gia cùng h ng l i
15.1	Hi u và di n gi i các v n b n pháp lu t

**Môn h c 16: Giám sát sinh h c**

5.5	Trình bày các v n k thu t
9.1	Nh n d ng th m th c v t ph bi n và tiêu bi u, các ki u sinh c nh, các loài ng th c v t

9.2	Ghi chép và báo cáo các quan sát động vật hoang dã một cách chính xác
9.3	Trợ giúp trong điều tra thực kê, giám sát và các công việc khác
9.4	Nhận dạng và vẽ các loài động vật chính
9.5	Thảo luận các cuộc điều tra, theo dõi động vật, điều tra sinh cảnh, nguồn tài nguyên và các đặc điểm sinh thái khác

Module 17: Việt báo cáo

3.2	Báo cáo tóm tắt, theo dõi các cá nhân & nhóm làm việc
5.2	Chuẩn bị các báo cáo về hoạt động công việc
5.6	Viết các báo cáo kỹ thuật
7.3	Ghi nhận, giám sát kỹ thuật
9.2	Ghi chép và báo cáo các quan sát động vật hoang dã một cách chính xác
9.3	Trợ giúp trong điều tra thực kê, giám sát và các công việc khác
9.7	Ghi chép và báo cáo các số liệu điều tra, giám sát
12.10	Báo cáo các hoạt động tuần tra và quan sát
12.12	Tham gia vào các hoạt động thi pháp luật
15.6	Đóng góp thông tin và xuất các kế hoạch, chính sách và đánh giá

Module 18: Trình bày, cập nhật, thu thập, phân tích và báo cáo

5.5	Trình bày các vấn đề kỹ thuật
8.15	Trình bày và chuẩn bị các hoạt động điều tra và cuộc họp trên thực địa
9.2	Ghi chép và báo cáo các quan sát động vật hoang dã một cách chính xác
10.3	Chăm sóc các động vật thú nuôi/nhốt
12.12	Tham gia vào các hoạt động thi pháp luật

Module 19: Thủ tục

1.1	Thảo luận quan điểm, tiêu chuẩn cá nhân theo tính tích cực và tin cậy về công việc
5.5	Trình bày các vấn đề kỹ thuật
8.10	Đảm bảo an toàn qua các địa hình
8.13	Bảo vệ

12.5	Tham gia vào các hoạt động tu n tra an toàn, hi u qu và có k lu t
------	-------------------------------------------------------------------

Module 20: Kù luËt/ ®iòu phèi/ tæ chøc

1.1	Th hi n quan i m, tiêu chu n c a cá nhân theo tính tích c c và t tin i v i công vi c
1.2	Duy trì m i quan h t t v i m i ng i và trong công vi c c a nhóm
1.5	Tuân th an toàn, an ninh và v sinh môi tr ãng t t n i làm vi c
1.6	Duy trì bí m t các thông tin nh y c m
1.7	Xác nh và báo cáo các ho t ãng không trung th c
1.8	Th hi n c m nh n v v n hóa, dân t c và gi i
3.1	Ch o và thúc y nhóm làm vi c
3.6	Gi i quy t các mâu thu n n i làm vi c
3.7	Xác nh nhu c u và xu t ngu n nhân l c
8.3	Th c hi n công vi c th c a an toàn và hi u qu
12.5	Tham gia vào các ho t ãng tu n tra an toàn, hi u qu và có k lu t
12.15	Ch huy các ho t ãng tu n tra và th c thi pháp lu t trên th c a
12.18	i u ph i các ho t ãng liên quan n th c thi pháp lu t v i các c quan có liên quan
14.8	Thúc y xây d ãng các m ng l i và các t ch c c s
16.3	Duy trì khu v c g n gàng và s ch s

M«®un 21: Thùc hiõn vµ l p k ho¹ch chiÕn l-î c

7.1	Xây d ãng k ho ch ho t ãng
7.4	Xây d ãng m i quan h h p tác, k ho ch và các ch ãng trình v i các c quan khác
8.14	L p k ho ch, t ch c h u c n cho các chuy n i th c a, kh o sát và tu n r ãng

12.14	Lập các kế hoạch hoạt động thực thi pháp luật
12.21	Lập kế hoạch cho các hoạt động và chương trình tu nghiệp, thực thi pháp luật
13.5	Lập các hoạt động tuyên truyền và giáo dục
16.14	Xác định và đánh giá các nguy cơ cháy rừng, lập kế hoạch phòng chống cháy rừng

**Mô đun 22: Quản lý khu bảo vệ**

7.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động
12.20	Xây dựng và quản lý mạng lưới cung cấp thông tin
15.6	Đóng góp thông tin và xuất các kế hoạch, chính sách và đánh giá
16.13	Xác định, đánh giá và kiểm tra ranh giới trên thực địa

**Mô đun 23: Vai trò Lãnh đạo và giám sát**

1.9	Quản lý và giám sát các công việc
3.1	Chỉ đạo và thúc đẩy nhóm làm việc
3.3	Giám sát, đánh giá nhân viên và tiếp thu ý kiến phản hồi
3.4	Xác định các nguyên nhân làm việc không tốt và tìm kiếm giải pháp cho nhân viên về cách thức hiện các vấn đề có liên quan
3.5	Xem xét, xuất kết luận và các thiết bị khi cần
3.6	Giám sát các mâu thuẫn nội bộ làm việc
3.7	Xác định nhu cầu và xuất nguyện vọng nhân lực
4.1	Chỉ đạo và đánh giá các kết quả làm việc
4.4	Chỉ đạo và khuyến khích kết quả tốt nội bộ làm việc
5.4	Chỉ đạo và chỉ trì các cuộc họp chính thức
5.7	Phân tích và trao đổi các vấn đề phức tạp
5.8	Chỉ đạo cho Khu bảo vệ trong các sự kiện trọng đại
5.9	Chỉ đạo giải quyết các tranh chấp và mâu thuẫn
5.1	Cho phép ý kiến phản hồi của nhân viên và các kết quả đưa vào hoạt động của quy trình và lập kế hoạch
7.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động
7.2	Quản lý nhân viên, hợp đồng viên, công tác viên khi thực hiện kế hoạch làm việc
7.3	Ghi nhận, giám sát kết quả
8.15	Chỉ đạo và chỉ trì các hoạt động kiểm tra và cuộc họp trên thực địa

12.6	Gi i quy t hi u qu các tình hu ng thù ch và t v khi có t n công
12.14	L p các k ho ch ho t ng th c thi pháp lu t
12.15	Ch huy các ho t ng tu n tra và th c thi pháp lu t trên th c a
12.18	i u ph i các ho t ng liên quan n th c thi pháp lu t v i các c quan có liên quan
12.19	Ch o m t t i u tra
12.21	L p k ho ch cho các ho t ng và ch ng trình tu n tra, th c thi pháp lu t
12.23	Liên l c v i các c quan khác i u tra các ho t ng phi pháp nh h ng n khu b o v
13.5	L p các ho t ng tuyên truy n và giáo d c
13.10	Cung c p thông tin cho các ph ng ti n truy n thông
14.2	S p x p các cu c h p, các s ki n và các bài trình bày a ph ng
14.4	Giám sát vi c th c hi n các cam k t t i c s
14.6	Th a thu n b o t n đ a vào c ng ng và các cam k t qu n lý
14.8	Thúc y xây d ng các m ng l i và các t ch c c s
14.10	Làm vi c v i các nhà lãnh o v n hóa/tôn giáo thúc y công tác b o t n và s d ng b n v ng
14.14	Gi i quy t các xung t liên quan n khu b o v , c ng ng dân c và các bên tham gia cùng h ng l i
15.1	Hì u và di n gi i các v n b n pháp lu t
15.6	óng góp thông tin và xu t các k ho ch, chính sách và ánh giá
16.3	Duy trì khu v c g n gàng và s ch s
16.4	Ki m tra và báo cáo i u ki n c s h t ng c a khu v c
16.7	B o d ng và s a ch a các thi t b cung ng nh : i n, n c
16.8	B o d ng xe và các máy móc khác
16.9	Lái các ph ng ti n g n máy
16.11	Theo dõi công vi c c a h p ng viên và các nhân viên làm vi c ngoài tr i
16.13	Xác nh, ánh d u và ki m tra ranh gi i trên th c a
16.14	Xác nh và ánh giá các nguy c cháy r ng, l p k ho ch phòng ch ng cháy r ng

M«®un 24: Gi m s , t nh®n vi a n

3.2	Báo cáo tóm t t, theo dõi các cá nhân & nhóm làm vi c
3.3	Giám sát, ánh giá nhân viên và ti p thu ý ki n ph n h i
4.1	H ng d n và ánh giá các k n ng làm vi c

7.2	Quản lý nhân viên, hợp đồng viên, cộng tác viên khi thực hiện kế hoạch làm việc
7.3	Ghi nhận, giám sát kết quả
16.11	Theo dõi công việc của hợp đồng viên và các nhân viên làm việc ngoài trời

## Ph 1 c 2

### PHÂN TÍCH CÁC MÔN HỌC TRONG KHÓA T P H U N

H  ng m c	S H c ph n	TH I GIAN (S t i t)		
		Th c hành (gi )	Lý thuy t (gi )	T ng (gi )
<b>K n ng th c a</b>				
<b>H c ph n</b>	1	32	13	45
nh h ng				
<b>Môn h c</b>				
<b>B n</b>				
<b>Thành ph n</b>				
B n là gì ?				
M c ích c a b n				
Các ký hi u c a b n				
B n và a hình (bao g m c d c)				
Các h th ng l i t a				
Xác nh h ng c a b n				
i m c c B c				
T a l i 4 và 6 s				
o c kho ng cách				
<b>Môn h c</b>				
<b>a bàn</b>				
<b>Thành ph n</b>				
Thao tác v i a bàn				
B o qu n a bàn				
S d ng a bàn nh h ng b n				
S d ng a bàn xác nh góc ph ng v trên b n và trên th c a				
S d ng a bàn i l i theo các góc ã xác nh				
<b>Môn h c</b>				
<b>Máy nh v GPS</b>				

<b>Thành phần</b>				
Máy nh v GPS ?				
S d ng và b o qu n máy nh v GPS				
L y t a l i m b ng máy GPS				
Xác nh v trí l i m trên b n d a vào t a c a GPS				
Ch c n g i n l i m ã có t a				
Cho t a m t i m t ngoài vào máy GPS				
Ch c n g v ng i				
<b>H c ph n</b>	2	32	18	
<b>Tu n tra th c a/Ki m soát khu v c</b>				
<b>Môn h c</b>				
<b>Tu n tra</b>				
<b>Thành phần</b>				
Các ki u tu n tra				
K thu t tu n tra và các ki u i u tra				
Tu n tra bí m t trên di n r ng				
Tu n tra êm				
Các th thu t phát hi n				
An toàn tu n tra				
L p k ho ch tu n tra				
<b>Môn h c</b>				
<b>K thu t quan sát</b>				
<b>Thành phần</b>				
Các k n ng quan sát				
S d ng ng nhòm				
K thu t theo dõi và các th thu t i m QS/Nghe				
<b>Môn h c</b>				
<b>Thông tin liên l c</b>				
<b>Thành phần</b>				
Gi i thi u các h th ng thông tin liên l c				
Các ki u b àm				
Các k thu t truy n tín hi u				
Quy t c s d ng b àm				

Kiểm tra truy n tín hi u				
B ng ký t ng âm				
An toàn khi s d ng b àm				
B o qu n b àm				
<b>H c ph n</b>	3	32	2	
<b>C m tr i</b>				
<b>Môn h c</b>				
Tuân th các quy nh v MT trên th c a				
B o qu n, ki m tra và duy trì trang thi t b th c a và c m tr i				
T ch c t i n i c m tr i và l a ch n a i m c m tr i				
<b>H c ph n</b>	4	6		
<b>K lu t c a ki m lâm/ i u ph i/ i hình</b>				
<b>Môn h c</b>				
Rèn luy n quân s				
K lu t c a giáo viên				
i hình tu n tra và các ch c n ng ch huy và ki m soát				
<b>H c ph n</b>	5	6		
<b>ào t o th l c</b>				
<b>H c ph n</b>	6	6		
<b>Võ thu t</b>				
<b>H c ph n</b>	7	32	4	
<b>Vi t báo cáo</b>				

### Ph 1 c 3

Ngày 1.    ng ký, gi i thi u khóa h c và c m nh n v    ph    ng pháp ào t o

Ngày 2						
	Nhóm 1	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 3
Th i gian	S    H c ph n	Môn h c	S    H c ph n	Môn h c	S    H c ph n	Môn h c
05.30 – 06.00		Th c d y		Th c d y		Th c d y
06.00 – 07.00		Rèn luy n th l c/ T v		Rèn luy n th l c / T v		Rèn luy n th l c/ T v
07.00 – 08.00		n sáng		n sáng		n sáng
08.00 – 09.00		Rèn luy n quân s		nh h ng		nh h ng
09.00 – 09.30		nh h ng		Rèn luy n quân s		Ngh gi i lao
09.30 – 10.00		nh h ng		Rèn luy n quân s		nh h ng
10.00 – 10.30		Ngh gi i lao		Ngh gi i lao		Rèn luy n quân s
10.30 – 11.00		nh h ng				Rèn luy n quân s
11.00 – 11.30		nh h ng		nh h ng		nh h ng
11.30 – 12.00		nh h ng		nh h ng		nh h ng
12.00 – 13.30		n/ngh tr a		n/ngh tr a		n/ngh tr a
13.30 – 14.30		nh h ng		nh h ng		nh h ng
14.30 – 15.00		nh h ng		Ngh gi i lao		Ngh gi i lao
15.00 – 15.30		Ngh gi i lao		T v		T v
15.30 – 16.30		nh h ng		T v		T v
16.30 – 18.00		T v		nh h ng		nh h ng
Ngày 3						
	Nhóm 1	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 3
Th i gian	S    H c ph n	Môn h c	S    H c ph n	Môn h c	S    H c ph n	Môn h c

05.30 – 06.00		Th c d y		Th c d y		Th c d y
06.00 – 07.00		Rèn luy n th l c/ T v		Rèn luy n th l c/ T v		Rèn luy n th l c/ T v
07.00 – 08.00		n sáng		n sáng		n sáng
08.00 – 09.00		Rèn luy n quân s		nh h ng		nh h ng
09.00 – 09.30		nh h ng		Rèn luy n quân s		Ngh gi i lao
09.30 – 10.00		nh h ng		Rèn luy n quân s		nh h ng
10.00 – 10.30		Ngh gi i lao		Ngh gi i lao		Rèn luy n quân s
10.30 – 11.00		nh h ng		nh h ng		Rèn luy n quân s
11.00 – 11.30		nh h ng		nh h ng		nh h ng
11.30 – 12.00		nh h ng		nh h ng		nh h ng
12.00 – 13.30		n/ngh tr a		n/ngh tr a		n/ngh tr a
13.30 – 14.30		Tu n tra th c a		Tu n tra th c a		Tu n tra th c a
14.30 – 15.00		Tu n tra th c a		Ngh gi i lao		Ngh gi i lao
15.00 – 15.30		Ngh gi i lao		T v		T v
15.30 – 16.30		Tu n tra th c a		T v		T v
16.30 – 18.00		T v		Tu n tra th c a		Tu n tra th c a

Ngày 4

	Nhóm 1	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 3
Th i gian	S H c ph n	Môn h c	S H c ph n	Môn h c	S H c ph n	Môn h c
05.30 – 06.00		Th c d y		Th c d y		Th c d y
06.00 – 07.00		Rèn luy n th l c/ T v		Rèn luy n th l c/ T v		Rèn luy n th l c/ T v
07.00 – 08.00		n sáng		n sáng		n sáng
08.00 – 09.00		Rèn luy n quân s		Tu n tra th c a		Tu n tra th c a

09.00 – 09.30		Tu n tra th c a		Rèn luy n quân s		Ngh gi i lao
09.30 – 10.00		Tu n tra th c a		Rèn luy n quân s		Tu n tra th c a
10.00 – 10.30		Ngh gi i lao		Ngh gi i lao		Rèn luy n quân s
10.30 – 11.00		Tu n tra th c a		Tu n tra th c a		Rèn luy n quân s
11.00 – 12.00		Tu n tra th c a		Tu n tra th c a		Tu n tra th c a
12.00 – 13.30		n/ngh tr a		n/ngh tr a		n/ngh tr a
13.30 – 14.30		Tu n tra th c a		Tu n tra th c a		Tu n tra th c a
14.30 – 15.00		Tu n tra th c a		Ngh gi i lao		Ngh gi i lao
15.00 – 15.30		Ngh gi i lao		T v		T v
15.30 – 16.30		Tu n tra th c a		T v		T v
16.30 – 18.00		T v		Tu n tra th c a		Tu n tra th c a
Ngày 5						
	Nhóm 1	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 3
Th i gian	S H c ph n	Môn h c	S H c ph n	Môn h c	S H c ph n	Môn h c
05.30 – 06.00		Th c d y		Th c d y		Th c d y
06.00 – 07.00		Rèn luy n th l c/ T v		Rèn luy n th l c/ T v		Rèn luy n th l c/ T v
07.00 – 08.00		n sáng		n sáng		n sáng
08.00 – 09.00		Rèn luy n quân s		Vi t báo cáo		Vi t báo cáo
09.00 – 09.30		Vi t báo cáo		Rèn luy n quân s		Ngh gi i lao
09.30 – 10.00		Vi t báo cáo		Rèn luy n quân s		Vi t báo cáo
10.00 – 10.30		Ngh gi i lao		Ngh gi i lao		Rèn luy n quân s

10.30 – 11.00		Vi t báo cáo		Vi t báo cáo		Rèn luy n quân s
11.00 – 12.00		Vi t báo cáo		Vi t báo cáo		Vi t báo cáo
12.00 – 13.30		n/ngh tr a		n/ngh tr a		n/ngh tr a
13.30 – 14.30		L p k ho ch		L p k ho ch		L p k ho ch
14.30 – 15.00		L p k ho ch		Ngh gi i lao		Ngh gi i lao
15.00 – 15.30		Ngh gi i lao		T v		T v
15.30 – 16.30				T v		T v
16.30 – 18.00		T v		L p k ho ch		L p k ho ch
<b>Ngày 6</b>						
	<b>Nhóm 1</b>	<b>Nhóm 1</b>	<b>Nhóm 2</b>	<b>Nhóm 2</b>	<b>Nhóm 3</b>	<b>Nhóm 3</b>
Th i gian	S H c ph n	Môn h c	S H c ph n	Môn h c	S H c ph n	Môn h c
05.30 – 06.00		Th c d y		Th c d y		Th c d y
06.00 – 07.00		Rèn luy n th l c/T v		Rèn luy n th l c/T v		Rèn luy n th l c/T v
07.00 – 08.00		n sáng		n sáng		n sáng
08.00 – 09.00		Rèn luy n quân s		C m tr i		C m tr i
09.00 – 09.30		C m tr i		Rèn luy n quân s		Ngh gi i lao
09.30 – 10.00		C m tr i		Rèn luy n quân s		C m tr i
10.00 – 10.30		Ngh gi i lao		Ngh gi i lao		Rèn luy n quân s
10.30 – 11.00		L p k ho ch		L p k ho ch		Rèn luy n quân s
11.00 – 12.00		L p k ho ch		L p k ho ch		L p k ho ch
12.00 – 13.30		n/ngh tr a		n/ngh tr a		n/ngh tr a
13.30 – 14.30		L p k ho ch		L p k ho ch		L p k ho ch
14.30 – 15.00		L p k ho ch		Ngh gi i lao		Ngh gi i lao
15.00 – 15.30		Ngh gi i lao		T v		T v
15.30 – 16.30		L p k		T v		T v

		ho ch				
16.30 – 18.00		T v		L p k ho ch		L p k ho ch

**Ph 1 c 4**

**PHÂN TÍCH TH Ỉ GIAN CHO CÁC MÔN H C VÀ L CH H C**

Các h ng m c	S h c ph n	Th i gian		
		Th c hành (gi )	Lý thuy t (gi )	T ng (gi )
<b>Qu n lý ngu n nhân l c</b>				
<b>H c ph n</b>	1	12	18	30
<b>Ch huy và ki m soát</b>				
<b>Môn h c</b>				
<b>Các nguyên t c c a qu n lý kh ng ho ng</b>				
<b>Thành ph n</b>				
nh ngh a qu n lý kh ng ho ng (QLKH)				
u i m c a QLKH				
Nh c i m c a QLKH				
Cách s d ng các k thu t QLKH				
<b>Môn h c</b>				
<b>Các nguyên t c c a qu n lý l p k ho ch</b>				
<b>Thành ph n</b>				
nh ngh a qu n lý l p k ho ch (QLLKH)				
u i m c a QLLKH				
<b>Môn h c</b>				
<b>Xây d ng các m c tiêu qu n lý</b>				
<b>Thành ph n</b>				
Xác nh các m c tiêu qu n lý c p qu c gia/t nh				
Xây d ng m c tiêu cho khu v c đ a vào các m c tiêu trên				
<b>Môn h c</b>				
<b>L p k ho ch qu n lý</b>				
<b>Thành ph n</b>				
Xây d ng Khung Lô gic và Khung th i gian				

Xây dựng kế hoạch làm việc				
Phân công trách nhiệm				
Quản lý thời gian				
<b>Mô hình</b>				
<b>Giám sát và đánh giá kế hoạch quản lý</b>				
<b>Thành phần</b>				
Xây dựng hệ thống GS & G cho các mục tiêu				
<b>Mô hình</b>				
<b>Giám sát và đánh giá nhân viên</b>				
<b>Thành phần</b>				
Xây dựng hệ thống GS & G nhân viên				
<b>Mô hình</b>				
<b>Báo cáo</b>				
<b>Thành phần</b>				
Xây dựng các mục tiêu thu thập thông tin cho tuấn tra				
So sánh và phân tích thông tin				
Các thủ tục báo cáo cho người lãnh đạo cấp cao				

## Ph 1 c 5

Ngày 1 Tháng 8 n m 2006			
Th i gian	S h c ph n	Môn h c	Gi ng viên
08.00 – 09.00	1	Các nguyên t c c a qu n lý kh ng ho ng	Robert Primmer, Chuyên gia QL các khu b o v - FRR Limited
09.00 – 10.00	1	Các nguyên t c c a qu n lý kh ng ho ng	
10.00 – 10.30		Ngh gi i lao	
10.30 – 11.30	1	Các nguyên t c c a qu n lý l p k ho ch	
11.30 – 13.30		Ngh tr a	
13.30 – 15.00	1	Xây d ng các m c tiêu qu n lý	
15.00 – 15.30		Ngh gi i lao	
15.30 – 17.00	1	Xây d ng các m c tiêu qu n lý	
Ngày 2 Tháng 8 n m 2006			
Th i gian	S h c ph n	Môn h c	Gi ng viên
08.00 – 09.00	1	Xây d ng các m c tiêu qu n lý	
09.00 – 10.00	1	Xây d ng các m c tiêu qu n lý	
10.00 – 10.30		Ngh gi i lao	
10.30 – 11.30	1	Xây d ng các m c tiêu qu n lý	
11.30 – 13.30		Ngh tr a	
13.30 – 15.00	1	L p k ho ch qu n lý	
15.00 – 15.30		Ngh gi i lao	
15.30 – 17.00	1	L p k ho ch qu n lý	
Ngày 3 Tháng 8 n m 2006			
Th i gian	S h c ph n	Môn h c	Gi ng viên
08.00 – 09.00	1	L p k ho ch qu n lý	
09.00 – 10.00	1	L p k ho ch qu n lý	
10.00 – 10.30		Ngh gi i lao	
10.30 – 11.30	1	L p k ho ch qu n lý	
11.30 – 13.30		Ngh tr a	

13.30 – 15.00	1	L p k ho ch qu n lý	
15.00 – 15.30		Ngh gi i lao	
15.30 – 17.00	1	L p k ho ch qu n lý	
Ngày 4 Date : Tháng 8 n m 2006			
Th i gian	S h c ph n	Môn h c	Gi ng viên
08.00 – 09.00	1	L p k ho ch qu n lý	
09.00 – 10.00	1	L p k ho ch qu n lý	
10.00 – 10.30		Ngh gi i lao	
10.30 – 11.30	1	Giám sát và ánh giá các k ho ch qu n lý	
11.30 – 13.30		Ngh tr a	
13.30 – 15.00	1	Giám sát và ánh giá các k ho ch qu n lý	
15.00 – 15.30		Ngh gi i lao	
15.30 – 17.00	1	Giám sát và ánh giá các k ho ch qu n lý	
Ngày 5 Tháng 8 n m 2006			
Th i gian	S h c ph n	Môn h c	Gi ng viên
08.00 – 09.00	1	Giám sát và ánh giá nhân viên	
09.00 – 10.00	1	Giám sát và ánh giá nhân viên	
10.00 – 10.30		Ngh gi i lao	
10.30 – 11.30	1	Báo cáo	
11.30 – 13.30		Ngh tr a	
13.30 – 15.00	1	Báo cáo	
15.00 – 15.30		Ngh gi i lao	
15.30 – 17.00	1	Báo cáo	

## Ph 1 c 6

STT	Ch ng lo i	n v	S l ng/h c viên
<b>I</b>	<b>ng ph c (h c viên)</b>		
	Qu n và áo dài tay	n v	2
	Th t l ng	n v	1
	T t	n v	2
	M	n v	1
	Gi y b i	n v	1
	Áo m a	n v	1
<b>II</b>	<b>ng ph c (gi ng viên x 4)</b>		
	Qu n và áo dài tay	n v	2
	Th t l ng	n v	1
	T t	n v	2
	M	n v	1
	Gi y b i	n v	1
	Áo m a	n v	1
<b>III</b>	<b>Qu n áo t p th l c (gi ng viên và h c viên)</b>		
	Qu n ùi & áo c c tay	n v	2
	Gi y th thao	n v	1
<b>IV</b>	<b>Trang b cá nhân</b>		
	Ba lô	n v	1
	Võng	n v	1
	èn pin	n v	1
	Pin	sets	5
	Bình ng n c	n v	2
	Màn	n v	1
	ng h eo tay	n v	1
	L u (1 cái/3 ng i)	<b>N V</b>	1/3
	Túi ng	n v	1
	ng nhòm	n v	1/6
	a bàn	n v	1/6
<b>V</b>	<b>V n phòng ph m và tài li u cho h c viên</b>		
	S ghi chép	n v	2
	Bút chì	n v	2
	Bút viết	n v	3
	Sách chim	n v	1
	Sách lu t	n v	1
	Sách ng v t	n v	1
	Th c k	n v	1
	Com pa	n v	1
	o	n v	1
	T y	n v	1
	Túi ni lông	n v	10

Sáu máy nh v (GPS) do d án Hành lang xanh c a WWF cung c p.

## Ph 1 c 7

ánh giá các thành viên và các lĩnh vực với thang điểm từ 1 đến 10 với 1 là rất kém và 10 là xuất sắc.

Môn học	Phan V n Hoài Nam	Tr n Nguyễn Vinh	Thân Tr ng Anh Hùng	Lê Vi t Tý	Nguy n H u Phúc	Nguy n Minh Hoài
nh hình (B n , a bàn, máy nh v )	8	9	9	7	7	6
Các i hình tu n tra	10	7	9	9	7	6
Thu th p thông tin	8	8	8	7	7	6
Ch huy và ki m soát	10	8	10	9	7	6
Các ho t ng tu n tra bí m t	6	5	6	5	5	5
B o v môi tr ng	6	5	6	5	5	5
Các k n ng quan sát	7	7	7	7	6	6
K lu t tu n tra	8	7	8	7	6	6
Vi t báo cáo	7	8	7	7	7	6
D y trên l p	8	9	9	8	8	6
Ki m soát l p h c	8	8	9	7	6	4
N ng ng	10	8	9	8	7	10
Th l c	10	6	10	10	7	5
<b>Trung bình</b>	<b>8.15</b>	<b>7.31</b>	<b>8.23</b>	<b>7.38</b>	<b>6.54</b>	<b>5.92</b>

## Ph í c 8

S d ñng thang í m t 1 ñ n 10 (1- r t kém và 10 – xu t s c) ánh giá . á ra các ý ki ñ xu t n u c n thi t.

### A. ánh giá v các gi ñng viên

	GV1	GV2	GV3	GV4	GV5	GV6	Bình quân	Ý ki ñ
<b>Môn h c/gi ñng viên</b>	<b>í m</b>	<b>í m</b>	<b>í m</b>	<b>í m</b>	<b>í m</b>	<b>í m</b>	<b>í m</b>	
<b>Ki ñ th c c a gi ñng viên v môn h c</b>								
a. Gi ñng viên chính	10	10	10	10	9	9	9.67	
b. Tr gi ñng	9	10	10	10	9	9	9.50	
c. Giáo viên quân s	9	10	10	10	9	10	9.67	
d. Giáo viên võ thu t	9	10	10	10	9	10	9.67	
<b>Ph ñng pháp truy n t</b>								
a. Gi ñng viên chính	10	10	10	10	9	9	9.67	
b. Tr gi ñng	9	10	10	9	9	9	9.33	nói h i nhanh, c ñ n nói ch m h ñ
c. Giáo viên quân s	9	10	10	10	9	10	9.67	
d. Giáo viên võ thu t	9	10	10	10	9	8	9.33	
<b>Trình bày các môn h c</b>								
a. Gi ñng viên chính	10	10	10	10	9	9	9.67	
b. Tr gi ñng	9	10	10	10	9	9	9.50	
c. Giáo viên quân s	9	10	10	10	9	9	9.50	
d. Giáo viên võ thu t	9	10	10	10	9	9	9.50	
<b>H tr c a gi ñng viên trong khóa t p hu ñ l ñ 2</b>								

a. Giảng viên chính	10	10	10	10	9	10	9.83	
b. Trợ giảng	9	10	10	10	9	10	9.67	
c. Giáo viên quân sự	9	10	10	10	9	9	9.50	
d. Giáo viên võ thuật	9	10	10	10	9	8	9.33	

B. Đánh giá về khóa học

Môn học/giảng viên	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Bình quân	Ý kiến
Nội dung khóa học	9	9	9	10	9	9	9.17	
Đầy đủ các môn học	9	8	9	10	9	8	8.83	
Chuyên môn/kinh nghiệm	9	9	9	10	9	9	9.17	
Thầy/cô giảng dạy	9	10	9	10	9	9	9.33	
Trang thiết bị	9	10	10	10	8	9	9.33	Cần có nhu cầu đổi mới thiết bị như máy GPS, bản đồ học viên tiếp thu bài nhanh hơn
Hiệu quả của khóa học về kỹ năng	9	8	10	10	10	8	9.17	Thực phù hợp với kỹ năng, cần có nhu cầu khóa tiếp huấn luyện

## Ph 1 c 9

“ đánh giá h c viên c a mình trên th c a và s d ng các m c t 1 n 10 v i l là r t kém và 10 là xu t s c. S d ng b ng sau ch ra k t qu ánh giá”.

Giáo viên nhóm: Nguy n Minh Hoài

Môn h c/h c viên	Hoàng Tr ng Khánh	Nguy n Ng c Phúc	Lê ình Thi u	Nguy n H o	Lê V n Tr	Châu V n Bình
nh h ng	8	8	8	7	8	7
i hình tu n tra	9	9	9	9	9	9
Thu th p thông tin	9	9	9	9	9	9
Ch huy và ki m soát	9	9	9	9	9	9
Các ho t ng tu n tra bí m t	9	9	9	9	9	9
B o v môi tr ng	9	9	9	9	9	8
Các k n ng quan sát	9	9	9	9	9	9
K lu t tu n tra	9	9	9	9	9	9
Vi t báo cáo	8	8	8	8	8	8

Giáo viên nhóm: Phan V n Hoài Nam

Môn h c/h c viên	L i Xuân Th y	Nguy n Ban	Phan Thanh Hà	Lê Kh c H u	Hà V n Yên	Võ Thanh
nh h ng	6	6	6	7	5	5
i hình tu n tra	6	6	5	5	6	6
Thu th p thông tin	6	6	7	5	4	4
Ch huy và ki m soát	7	7	7	7	6	6
Các ho t ng tu n tra bí m t	7	7	7	7	6	5
B o v môi tr ng	7	7	7	7	7	7
Các k n ng quan sát	7	7	7	7	6	6
K lu t tu n tra	7	7	6	6	6	6
Vi t báo cáo	8	8	8	7	8	7

Giáo viên nhóm: Nguy n H u Phúc

Môn h c/h c viên	Nguy n Quang Toàn	Tr n Qu c B o	Nguy n V n Sinh	Nguy n Qu c Hi u	Lê Thanh Ph ng	Hà Qu c H ng
nh h ng	7	10	7	8	7	7
i hình tu n tra	9	9	9	9	9	9

Thu thập thông tin	8	8	8	8	8	8
Chức vụ và kiểm soát	7	7	7	7	7	7
Các hoạt động tự nguyện	7.5	8	7	7.5	7	7
Bộ phận môi trường	8.5	8.5	8	8.5	8	8
Các kỹ năng quan sát	8	8	8	8	8	8
Kết quả tự nguyện	7.5	7.5	7	7.5	7	7
Viết báo cáo	7	7.5	7	7	7	7

Giáo viên nhóm: Thân Trọng Anh Hùng

Môn học/học viên	Lê Thái	Trần Hùng	Lê Duy Minh	Nguyễn Huy Mạnh	Tạ Quang Hùng	Hoàng Thị Diên
nh hình	7	8	8	7	10	10
đình tự nguyện	8	8	8	8	9	9
Thu thập thông tin	8	8	8	8	10	10
Chức vụ và kiểm soát	8	8	8	8	9	9
Các hoạt động tự nguyện	9	9	9	9	9	9
Bộ phận môi trường	10	10	10	10	10	10
Các kỹ năng quan sát	8	8	8	8	9	9
Kết quả tự nguyện	9	9	9	9	9	9
Viết báo cáo	8	9	8	8	10	10

Giáo viên nhóm: Lê Việt Tý

Môn học/học viên	Phan Đình Thặng	Ngô Hữu Phúc	Trần Việt Phúc	Lê Mai	Nguyễn Văn Trung	Hà Văn Quân
nh hình	9	7	7	7	7	8
đình tự nguyện	8	7	8	7	7	8
Thu thập thông tin	9	9	9	9	9	9
Chức vụ và kiểm soát	9	7	8	7	7	8
Các hoạt động tự nguyện	8	7	7	7	7	7
Bộ phận môi trường	8	8	8	8	8	8
Các kỹ năng quan sát	8	8	8	8	8	8
Kết quả tự nguyện	9	7	7	7	7	7
Viết báo cáo						

Ghi chú: Phần viết báo cáo bổ sung

Giáo viên nhóm: Trần Nguyễn Vinh

<b>Môn học/học viên</b>	<b>Lê Việt Thành</b>	<b>Lê Tân Vinh</b>	<b>Bùi Văn Thái</b>	<b>H Văn Kim</b>	<b>Trần Châu Long</b>	<b>Nguyễn Lê Anh Phụng</b>
nh học	8	9	7	7	8	8
đình tự tra	8	7	7	8	9	7
Thu thập thông tin	7	8	9	8	9	7
Chỉ huy và kiểm soát	9	8	7	8	9	7
Các hoạt động tự tra bí mật	9	7	6	8	9	7
Bộ v môi trường	8	8	7	8	9	8
Các kỹ năng quan sát	8	7	7	7	8	7
Kỹ thuật tự tra	8	7	6	8	9	7
Việt báo cáo	7	7	7	7	7	7

## Ph í c 10

Sau ây là ánh giá c a h c viên v giáo viên ki m lâm và trình bày l p h c.

S d ng thang í m t l ãn 10 (1- r t kém và 10 – xu t s c) ánh giá . a ra các ý ki ãn xu t n u c n thi t.

Môn h c/giáo viên	Nguy n H u Phúc						
	í m	í m	í m	í m	í m	T ng	TB
<b>A. ánh giá ti u giáo viên</b>							
Ki n th c c a giáo viên v môn h c	9	9	8	7	8	41	8.20
Ph ng pháp truy n t	9	9	8	8	7	41	8.20
Trình bày khóa h c	9	9	7	9	7	41	8.20
<b>B. ánh giá khóa h c</b>							
N i dung khóa h c	9	9	7	7	9	41	8.20
Trình bày các môn h c	8	9	8	8	8	41	8.20
Chu n b ph ng ti n í l i	9	9	7	9	9	43	8.60
n/l ng th c	10	9	8	9	9	45	9.00
Trang thi t b	9	9	9	8	9	44	8.80
Hí u bi t v khóa h c í v í công vi c	9	9	8	7	8	41	8.20
<b>T ng bình quân</b>							<b>8.40</b>

Môn h c/giáo viên	Tr n Nguyên Vinh							
	í m	í m	í m	í m	í m	í m	T n g	TB
<b>A. ánh giá ti u giáo viên</b>								
Ki n th c c a giáo viên v môn h c	10	10	8	7	9	8	52	8.67
Ph ng pháp truy n t	10	10	9	7	8	8	52	8.67
Trình bày khóa h c	10	10	9	7	9	8	53	8.83
<b>B. ánh giá khóa h c</b>								
N i dung khóa h c	9	10	9	6	8	8	50	8.33
Trình bày các môn h c	10	10	9	6	9	8	52	8.67
Chu n b ph ng ti n í l i	10	10	9	7	9	9	54	9.00
n/l ng th c	10	10	9	5	10	10	54	9.00
Trang thi t b	10	10	8	5	9	9	51	8.50
Hí u bi t v khóa h c í v í công vi c	9	8	8	5	9	8	47	7.83

<b>T ng bình quân</b>								<b>8.61</b>
-----------------------	--	--	--	--	--	--	--	-------------

Môn h c/giáo viên	Thân Tr ng Anh Hùng							T ng	TB
	i m	i m	i m	i m	i m	i m	i m		
<b>A. ánh giá ti u giáo viên</b>									
Ki n th c c a giáo viên v môn h c	9	9	10	9	9	9	55	9.17	
Ph ng pháp truy n t	8	9	10	8	10	10	55	9.17	
Trình bày khóa h c	9	9	10	9	10	9	56	9.33	
<b>B. ánh giá khóa h c</b>									
N i dung khóa h c	9	8	9	9	10	10	55	9.17	
Trình bày các môn h c	8	9	9	8	10	10	54	9.00	
Chu n b ph ng tí n i l i	9	9	10	9	10	10	57	9.50	
n/l ng th c	8	9	10	9	10	10	56	9.33	
Trang thi t b	9	9	10	9	9	10	56	9.33	
Hì u bi t v khóa h c i v i công vi c	8	9	10	9	10	9	55	9.17	
<b>T ng bình quân</b>								<b>9.24</b>	

Môn h c/giáo viên	Phan V n Hoài Nam						
	i m	i m	i m	i m	i m	T n g	TB
<b>A. ánh giá ti u giáo viên</b>							
Ki n th c c a giáo viên v môn h c	8	8	10	9	9	44	8.80
Ph ng pháp truy n t	7	6	8	7	8	36	7.20
Trình bày khóa h c	7	6	8	7	8	36	7.20
<b>B. ánh giá khóa h c</b>							
N i dung khóa h c	10	10	10	9	10	49	9.80
Trình bày các môn h c	9	7	8	9	9	42	8.40
Chu n b ph ng tí n i l i	7	10	7	10	10	44	8.80
n/l ng th c	7	8	10	10	10	45	9.00
Trang thi t b	9	8	10	9	10	46	9.20
Hì u bi t v khóa h c i v i công vi c	8	9	10	9	9	45	9.00
<b>T ng bình quân</b>							<b>8.60</b>

<b>Môn h c/giáo viên</b>	<b>Lê Vi t Tý</b>
--------------------------	-------------------

	i m	i m	i m	i m	i m	i m	T ng	TB
<b>A. ánh giá ti u giáo viên</b>								
Ki n th c c a giáo viên v môn h c	9	7	7	8	9	9	49	8.17
Ph ng pháp truy n t	9	7	7	8	8	9	48	8.00
Trình bày khóa h c	9	7	7	7	8	10	48	8.00
<b>B. ánh giá khóa h c</b>								
N i dung khóa h c	9	8	8	8	9	9	51	8.50
Trình bày các môn h c	8	6	7	8	8	9	46	7.67
Chu n b ph ng ti n i l i	10	7	5	8	9	8	47	7.83
n/ l ng th c	8	9	6	9	10	9	51	8.50
Trang thi t b	9	7	7	8	10	9	50	8.33
Hì u bi t v khóa h c i v i công vi c	9	6	8	7	9	9	48	8.00
<b>T ng bình quân</b>								<b>8.11</b>

Môn h c/giáo viên	Nguy n Minh Hoài							
	i m	i m	i m	i m	i m	i m	T ng	TB
<b>A. ánh giá ti u giáo viên</b>								
Ki n th c c a giáo viên v môn h c	9	8	8	8	9	7	49	8.17
Ph ng pháp truy n t	9	7	8	8	9	7	48	8.00
Trình bày khóa h c	9	8	8	6	9	8	48	8.00
<b>B. ánh giá khóa h c</b>								
N i dung khóa h c	9	8	8	8	9	8	50	8.33
Trình bày các môn h c	9	7	8	9	9	8	50	8.33
Chu n b ph ng ti n i l i	10	9	8	6	10	7	50	8.33
n/ l ng th c	7	9	8	8	10	8	50	8.33
Trang thi t b	8	8	8	6	10	9	49	8.17
Hì u bi t v khóa h c i v i công vi c	9	8	8	10	9	9	53	8.83
<b>T ng bình quân</b>								<b>8.28</b>